

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04.3724 5999

Fax: 04.3724 5775

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Khánh

Địa chỉ: Số 2 ngõ 155 phố Tây Sơn, phường Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 09069039988

Fax: 04.3724 5775

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty, cụ thể như sau:

- Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2016;
- Thông qua Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015 và kế hoạch năm 2016;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2015;
- Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015;
- Thông qua tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;
- Thông qua bản Điều lệ sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp và bản điều lệ mẫu của công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BTC;
- Thông qua việc giải thể Ban Kiểm soát và bãi nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát vì Công ty quyết định lựa chọn mô hình không có Ban kiểm soát theo điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/06/2016 tại đường dẫn: <http://nvs.vn/tabid/231/Default.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Văn Khánh
Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ

NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép hoạt động số 93/UBCK-GPHĐKD ngày 16/05/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/05/2016;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;
- Căn cứ Biên bản họp số 01/2016/NVS/BBH-DHĐCĐ ngày 30/06/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank,

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2016 do Tổng Giám đốc trình bày (theo văn bản đính kèm).**
Số phiếu biểu quyết tán thành 18.700.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Điều 2. Thông qua Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 và kế hoạch năm 2016 do Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày (theo văn bản đính kèm).**
Số phiếu biểu quyết tán thành 18.700.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016 do Trưởng Ban Kiểm soát trình bày (theo văn bản đính kèm).**
Số phiếu biểu quyết tán thành 18.700.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 (theo văn bản đính kèm).**
Số phiếu biểu quyết tán thành 18.700.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Điều 5. Thông qua việc Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC làm tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**
Số phiếu biểu quyết tán thành 18.700.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có



quyền biểu quyết dự họp.

Điều 6. Thông qua bản Điều lệ sửa đổi (theo văn bản đính kèm).

Số phiếu biểu quyết tán thành 18.700.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 7. Thông qua việc giải thể Ban Kiểm soát và bãi nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát

Số phiếu biểu quyết tán thành 18.700.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 8. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Lưu P.HC-NS.

T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị



BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) được tiến hành theo đề nghị triệu tập của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

I. Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK (NVS)

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 93/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 05 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 05 năm 2016.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 04.3724 5999

Fax: 04.3724 5775

Website: www.nvs.vn

II. Thời gian, địa điểm họp:

- Thời gian: 8h00 ngày 30 tháng 06 năm 2016.
- Địa điểm: Tại Hội sở của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank – Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

III. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Bà Nguyễn Văn Khánh báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp tính đến ngày 31/03/2016 đã có 04 cổ đông đại diện cho 18.700.000 cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội, chiếm 100% vốn Điều lệ của Công ty, gồm các ông/bà có tên sau đây:

- Ngân hàng TMCP Quốc Dân ủy quyền cho Bà Lê Kim Chi tham dự
- Ông Nguyễn Sơn
- Bà Quách Thị Nga
- Bà Phạm Thị Yến

III. Bầu Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu:

Đại hội đã biểu quyết bầu Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu như sau:

1. Đoàn chủ tịch: Ông Nguyễn Sơn – Phó Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa cuộc họp
2. Thư ký cuộc họp: Bà Nguyễn Văn Khánh – Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ
3. Ban kiểm phiếu:
 - Ông Nguyễn Thanh Minh – Trưởng Ban kiểm soát – Trưởng Ban kiểm phiếu
 - Ông Đặng Đức Thiện – Thành viên Ban kiểm soát – Thành viên Ban kiểm phiếu



- Bà Đỗ Lê Hằng – Thành viên Ban kiểm soát – Thành viên Ban kiểm phiếu

IV. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp:

Đoàn chủ tịch đã chủ trì thảo luận các ý kiến đóng góp và Đại hội đã nhất trí thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2016 do Tổng Giám đốc trình bày (theo văn bản đính kèm)

- Đại hội đã nghe ông Phan Anh Tuấn – Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2016.
- Đại hội đã nghe ý kiến phát biểu của ông Nguyễn Sơn – Phó Chủ tịch HĐQT như sau: Cổ đông rất hiểu những khó khăn mà NVS đã phải vượt qua trong năm 2015 và đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực của Ban điều hành và cán bộ-nhân viên NVS – những người đã giúp NVS có được kết quả kinh doanh ấn tượng, gấp 2,5 lần năm trước và đề xuất ĐHĐCĐ đồng ý ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT khen thưởng cho CBNV trong năm 2015.

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 18.700.000 cổ phần, tương đương 100% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không tán thành: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội

2. Thông qua Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015 và kế hoạch năm 2016 do Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày (theo văn bản đính kèm)

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 18.700.000 cổ phần, tương đương 100% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không tán thành: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2015 do Trưởng Ban kiểm soát trình bày (theo văn bản đính kèm)

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 18.700.000 cổ phần, tương đương 100% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không tán thành: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội

4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 (theo văn bản đính kèm)

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 18.700.000 cổ phần, tương đương 100% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không tán thành: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội

5. Thông qua tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tổng giám đốc đề xuất ĐHĐCĐ thông qua tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 18.700.000 cổ phần, tương đương 100% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không tán thành: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội

6. Thông qua bản Điều lệ sửa đổi (theo văn bản đính kèm)

Ông Nguyễn Sơn – Phó Chủ tịch HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ thông qua bản Điều lệ sửa đổi theo Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ của Công ty CP Chứng khoán Navibank (đã gửi cho các cổ đông).

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 18.700.000 cổ phần, tương đương 100% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không tán thành: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội

7. Thông qua việc giải thể Ban Kiểm soát và bãi nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Sơn – Phó Chủ tịch HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ phê duyệt Công ty lựa chọn mô hình không có Ban kiểm soát theo điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp (*Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát*). Công ty hiện chỉ có 4 cổ đông, trong đó có một cổ đông là tổ chức nắm giữ 9,5% vốn điều lệ thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát. Do HĐQT và Ban Giám đốc thường xuyên làm việc và báo cáo trực tiếp các cổ đông nên các cổ đông có thể trực tiếp giám sát, việc duy trì Ban Kiểm soát không cần thiết, nếu cắt giảm sẽ giúp tổ chức của Công ty được gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Do vậy, ông Sơn đề nghị giải thể Ban kiểm soát và bãi nhiệm các thành viên Ban kiểm soát.

Đại hội biểu quyết:

- Tán thành: 18.700.000 cổ phần, tương đương 100% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không tán thành: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, tương đương 00% cổ phần biểu quyết tham dự Đại hội

Chủ tọa đề nghị cổ đông biểu quyết thông qua Biên bản họp và Nghị quyết. Đại hội đã biểu quyết thông qua Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông với tỷ lệ đồng ý là 100%.

Biên bản được đọc lại cho các cổ đông nghe và được lập thành 03 bản lưu tại trụ sở chính của Công ty.

Cuộc họp kết thúc vào 11h cùng ngày.

Thư ký cuộc họp



NGUYỄN VĂN KHÁNH



Chủ tọa cuộc họp

NGUYỄN SƠN



Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016***Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông*

Ban Giám đốc Công ty báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2016 với các nội dung như sau:

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015**1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH****Kinh tế thế giới:**

Khép lại năm 2015, tình hình kinh tế toàn cầu nhìn chung phát triển còn chậm và vẫn chưa lấy lại được đà tăng như mong đợi từ sau khi cuộc khủng hoảng toàn cầu diễn ra. Theo đánh giá mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB - tháng 01/2016), tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới giảm từ mức 3,4% trong năm 2014 xuống còn 3,1% trong năm 2015.

Tại Mỹ, theo số liệu được công bố cho thấy, nền kinh tế hàng đầu thế giới đang trên đà hồi phục. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng từ mức 0,6% trong quý I/2015 lên mức 3,9% và 2,0% trong quý II/2015 và quý III/2015; Tỷ lệ thất nghiệp đã giảm từ mức 5,7% trong tháng 1/2015 xuống còn 5% trong tháng 10 và tháng 11/2015 - mức thấp nhất kể từ tháng 4/2008; Chỉ số niềm tin tiêu dùng sau khi giảm từ mức 98,1 điểm trong tháng 1 xuống còn 87,2 điểm trong tháng 9, đã tăng trở lại đạt mức 91,3 điểm và 92,6 điểm trong tháng 11 và 12/2015. Tuy nhiên, Mỹ vẫn đang phải đối diện với nhiều khó khăn khi giá dầu giảm, đồng USD tăng mạnh, hoạt động sản xuất tại hầu hết các khu vực nhìn chung tăng trưởng yếu. Theo dự báo của World Bank, GDP của Mỹ sẽ tăng từ mức 2,5% năm 2015 lên mức 2,7% trong năm 2016, sau đó giảm về mức 2,4% trong năm 2017.

Tại Nhật, theo World Bank, tốc độ tăng trưởng kinh tế Nhật Bản tăng từ mức - 0,1% trong năm 2014 lên mức 0,8% trong năm 2015 và 1,3% trong năm 2016, tuy nhiên, mức này sau đây sẽ giảm còn 0,9% trong năm 2017. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nhật năm qua có sự tăng trưởng tốt qua các quý tuy nhiên quốc gia này cũng đang phải đối diện với các vấn đề như sự sụt giảm về nhu cầu tư nhân và nhu cầu bên ngoài, niềm tin kinh doanh cũng đang giảm và nước này cũng đang phải đối mặt với nguy cơ giảm phát khi chỉ số CPI có lúc giảm về 0%.

Tại Trung Quốc, tình hình kinh tế cũng đang tăng trưởng chậm lại khi một loạt các chỉ tiêu như chỉ số PMI, niềm tin tiêu dùng và thị trường chứng khoán đều giảm. WB dự báo, tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc lần lượt là 6,9% và 6,7% trong năm 2015 và 2016, sau đó giảm còn 6,5% trong năm 2017.

Khu vực đồng Euro, tốc độ tăng trưởng vẫn ở mức thấp song đang trên đà phục hồi. Xu hướng phục hồi của khu vực đồng Euro đang trở nên rõ nét trong năm 2015: Chỉ số PMI sản xuất có xu hướng tăng từ mức 51 điểm trong tháng 1/2015 lên mức 53,2 điểm trong tháng 12; Dù vẫn ở mức cao nhưng chỉ số thất nghiệp cũng giảm từ mức 11,1% trong tháng 6 xuống còn 10,7% trong tháng 10/2015. Đánh giá về triển vọng của khu vực, World Bank dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế tại khu vực đồng Euro đạt 1,5% trong năm 2015, sau đó tăng lên mức 1,7% trong năm

2016 và 2017.

Trong năm 2016, kinh tế thế giới dự báo sẽ có nhiều biến động khó lường và được đánh giá là năm sẽ có nhiều sự kiện đáng chú ý ảnh hưởng tới kinh tế thế giới và theo dự báo là những ảnh hưởng không mấy khả quan.

Kinh tế Việt Nam:

Mặc dù phải đối mặt với những diễn biến bất lợi của kinh tế thế giới, song khép lại năm 2015 kinh tế Việt Nam vẫn có những “điểm sáng”. “Điểm sáng” đáng chú ý nhất là tín hiệu tích cực từ tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2015 là GDP đạt 6,68%, cao nhất kể từ năm 2008 khi tính theo giá so sánh năm 2010. Đặc biệt, trong điều kiện nền kinh tế trong nước chưa hồi phục hẳn, kinh tế thế giới và kinh tế Trung Quốc sụt giảm, biến động thì việc chúng ta đạt được thành tích này là một điều rất đáng ghi nhận. Và theo dự báo của hãng tin Bloomberg, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng 6,7% trong năm 2016, tương đương mức tăng của năm vừa qua.

Chỉ số tổng hợp về tình hình sản xuất PMI tương đối ổn định và đạt trên mức 50 điểm, là ngưỡng được đánh giá tích cực. Trong đó, đáng chú ý là chỉ số đánh giá về sản lượng liên tục đạt mức trên 60 điểm. Ngoại trừ chỉ tiêu mức độ tồn kho nguyên vật liệu, xây dựng các thành phần khác bao gồm đơn hàng mới, việc làm đều cho thấy những dấu hiệu phục hồi tích cực của ngành chế biến, chế tạo.

Tình hình sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp trong năm 2015 cũng được cải thiện với mức tăng 6,4% (năm 2014 là 5,8%).

Lạm phát ở mức phát nhất trong nhiều năm ở lại đây khi chỉ số CPI chỉ ở mức 0,63%. Khác với mọi năm là diễn biến CPI biến động mạnh vào các tháng cuối năm thì năm vừa qua chỉ số CPI giữ ổn định qua các tháng. Điều này cho thấy sự ổn định trong nguồn cung và nguồn sản xuất. Tuy nhiên, áp lực lạm phát có nguy cơ quay trở lại vào năm 2016 là cao khi giá năng lượng và nhiều loại hàng hóa đã ở mức thấp kỷ lục và có khả năng sẽ đi ngang hoặc tăng nhẹ. Thêm vào đó, hiện tượng thời tiết El Nino đang tác động bất lợi đến nguồn cung gạo có thể khiến giá mặt hàng này sẽ gia tăng trong năm 2016. Ngoài ra, các mặt hàng như điện, dịch vụ y tế và giáo dục sẽ tiếp tục gia tăng mạnh trong năm 2016.

Bên cạnh những điểm sáng, nền kinh tế trong nước năm vừa vẫn còn tồn tại những hạn chế làm ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và ổn định của kinh tế, đáng kể nhất là vấn đề thâm hụt ngân sách. Theo đó, trong năm vừa qua, về phía nguồn thu thấp hơn nhiều so với dự toán đầu năm như: thu từ dầu thô, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu. Trong khi đó, về vấn đề cắt giảm chi tiêu thì cơ quan điều hành vẫn chưa có chính sách nào cần thiết, đặc biệt là chi thường xuyên và khôi phục lại cân đối ngân sách. Theo ước tính tổng chi ngân sách năm 2015 có thể vượt so với dự toán khoảng 70 nghìn tỷ đồng.

Nhu cầu tín dụng năm 2015 tăng cao hơn so với năm 2014, chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng huy động luôn ở mức 3,5 – 3,7%, điều này tạo áp lực không nhỏ lên mặt bằng lãi suất huy động. Theo số liệu thống kê của NHNN, trong tháng 12 có 11 ngân hàng đã điều chỉnh tăng lãi suất ở hầu hết các kỳ hạn từ 0,1 – 0,5%/năm. Theo báo cáo của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế (NHNN) cho biết, đến 31/12/2015, dư nợ tín dụng nền kinh tế tăng 17,29% so với cuối năm 2014 (vượt con số mục tiêu đề ra là từ 13 – 15%). Khi mà tăng trưởng tín dụng vượt xa tăng trưởng GDP thì sẽ tạo ra mối lo về sự mất ổn định kinh tế vĩ mô.

Thị trường Chứng khoán Việt Nam

Thị trường chứng khoán có một năm trầm lắng. Chỉ số VN Index tăng 6,12% (đầu năm là 545,63 và cuối năm là 579,03). Chỉ số HNX Index giảm 3,63% (đầu năm là 82,98 cuối năm là 79,96). Giá trị trung bình ngày giảm chỉ ở mức 2,547 tỷ đồng so với năm trước 2,987 tỷ đồng.



Giao dịch thỏa thuận lớn.

Các sự kiện quan trọng với Thị trường chứng khoán trong năm 2015:

- Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước: Thực hiện trong năm 2015 là 200 doanh nghiệp so với kế hoạch là 289 doanh nghiệp. Hiệu quả của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa ít cải thiện.
- Ngày 26/6/2015, Chính phủ ban hành Nghị định 60/2015/NĐ-CP về việc tăng sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp.
- Trong năm 2015, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu SCIC thoái vốn Nhà nước tại 10 doanh nghiệp lớn, hiệu quả.
- Ngân hàng Nhà nước mua lại 03 ngân hàng thương mại với giá 0 đồng.
- Ngày 18/12/2015, VSD chính thức thông báo rút ngắn chu kỳ thanh toán từ 9h ngày T+3 về 16h30 ngày T+2 từ năm 2016.
- Số lượng doanh nghiệp bị hủy niêm yết trong năm 2015 là 33 tăng 03 doanh nghiệp so với năm trước.
- Việt Nam hoàn thành đàm phán TPP và ký kết các FTA.

Phân tích khách hàng, đối thủ cạnh tranh:

Tính đến hết năm 2015, toàn thị trường có 1.569.792 tài khoản giao dịch chứng khoán, tăng 11,05% so với đầu năm (năm 2014 có 1.413.566 tài khoản). Tuy nhiên tỷ trọng tài khoản hoạt động (có giao dịch chứng khoán) không cao.

Số lượng công ty chứng khoán còn hoạt động là 81/105 công ty. Các công ty chứng khoán hiện tại đang cạnh tranh khốc liệt cả về thị phần, khách hàng và nhân sự do thị trường quá nhỏ.

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh vĩ mô năm 2015 chưa thuận lợi, chứa đựng nhiều thách thức và rủi ro, Ban Giám đốc và cán bộ nhân viên Công ty CP Chứng khoán Navibank vẫn cố gắng tập trung nâng cao hiệu quả những dịch vụ của Công ty, tái cấu trúc lại những lĩnh vực hoạt động kém hiệu quả, góp phần giúp Công ty vượt qua khó khăn và hoạt động hiệu quả hơn.

Trong năm 2015, Công ty đã củng cố lại hoạt động môi giới, trong đó tập trung vào những khách hàng lớn có chất lượng giao dịch tốt, khối lượng giao dịch cao, không quá chú trọng vào việc gia tăng thị phần.

Ngoài ra, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đã được đẩy mạnh, Công ty đã triển khai được một số hoạt động và thu được phí tư vấn từ các hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính như tư vấn phát hành và chuyển nhượng chứng khoán.

Chi tiết về Doanh thu và Lợi nhuận năm 2015 được thể hiện trong Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dưới đây:

STT	Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Mức tăng trưởng
1	Doanh thu Trong đó:	32.259.144.024	29.324.377.815	10,01%
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.833.829.784	18.029.174.973	-78,74%
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.125.930.000	0	

1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	20.809.600.000	883.900.800	2254,29%
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.320.642.979	1.463.157.983	-9,74%
1.9	Doanh thu khác	5.169.091.261	8.948.144.059	-42,23%
2	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	32.259.144.024	29.324.377.815	10,01%
3	Chi phí hoạt động kinh doanh	10.229.555.230	13.589.698.716	-24,73%
4	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	22.029.588.794	15.734.679.099	40,01%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.278.636.150	9.881.373.258	-26,34%
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.750.952.644	5.853.305.841	152,01%
7	Thu nhập khác	399.538.448	579.633.291	-31,07%
8	Chi phí khác	21.577.193	576.901.641	-96,26%
9	Lợi nhuận khác	377.961.255	2.731.650	13736,37%
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.128.913.899	5.856.037.491	158,35%
11	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0	
12	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.128.913.899	5.856.037.491	158,35%

Kết quả kinh doanh trên cho thấy:

- Hoạt động Môi giới: giảm tăng trưởng tương đối so với 2014 do thị trường có nhiều thăng trầm và chiến lược tập trung vào khách hàng lớn của Công ty, không mở rộng về số lượng khách hàng.
- Hoạt động Tư vấn: doanh thu tăng mạnh nhờ việc ký được một số Hợp đồng thu xếp vốn lớn từ Quý IV năm 2014.
- Chi phí quản lý giảm mạnh do các biện pháp cắt giảm chi phí quyết liệt của Ban Giám đốc trong năm.
- Doanh thu khởi sắc cộng với tiết giảm chi phí đã giúp cho Công ty có lãi.

Chi tiết tài sản và vốn chủ sở hữu được thể hiện trong Bảng cân đối kế toán dưới đây:

Mã số	Hạng mục	31/12/2015	01/01/2015
	TÀI SẢN		
100	Tài sản ngắn hạn	182.069.246.179	222.258.852.018
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	43.755.242.310	100.146.078.247
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30.960.000.000	14.700.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	107.226.829.099	107.109.215.188
150	Tài sản ngắn hạn khác	127.174.770	303.558.583

200	Tài sản dài hạn	27.796.782.377	3.890.801.723
220	Tài sản cố định	1.970.782.760	1.454.454.271
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	22.629.704.000	0
260	Tài sản dài hạn khác	3.196.295.617	2.436.347.452
270	Tổng cộng tài sản	209.866.028.556	226.149.653.741
	NGUỒN VỐN		
300	Nợ phải trả	42.434.147.161	99.846.686.245
400	Vốn chủ sở hữu	167.431.881.395	126.302.967.496
440	Tổng cộng nguồn vốn	209.866.028.556	226.149.653.741

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

Trong năm qua, Công ty vẫn tiếp tục cung cấp các dịch vụ chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

Năm 2015, thị trường chứng khoán trầm lắng, dự đoán trong năm 2016 cũng không có nhiều đột biến cho nên giao dịch toàn thị trường suy giảm, hoạt động môi giới của tất cả các công ty chứng khoán đều bị ảnh hưởng, đặc biệt là các công ty chứng khoán nhỏ như NVS. Chính vì vậy mà khả năng phát triển của môi giới nói riêng và của toàn NVS nói chung là rất mờ nhạt bởi không có tiềm năng tăng trưởng, sản phẩm dịch vụ đơn điệu. Để đạt được mục đích phát triển, tăng trưởng về hoạt động môi giới bằng mọi giá thì sẽ không tránh khỏi việc vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán. Với định hướng nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật của mình thì NVS càng có ít cơ hội phát triển hoạt động môi giới. Vì vậy, trong năm 2016, định hướng của NVS là cố gắng duy trì hoạt động môi giới sao cho hòa vốn là đã thành công bởi việc duy trì nghiệp vụ môi giới là cần thiết để đảm bảo NVS là một công ty chứng khoán và nhằm hỗ trợ cho nghiệp vụ tư vấn và tự doanh chứng khoán.

Trong năm 2016, trọng tâm chiến lược của NVS là hoạt động tự doanh chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp. Trong đó, hoạt động tự doanh sẽ triển khai theo hướng đầu tư một cách cẩn trọng và ưu tiên bảo toàn vốn. Hoạt động tư vấn cũng có khó khăn nhất định, mặc dù có các hợp đồng lớn nhưng thường kéo dài nên có thể ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận của Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.HC-NS.



Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

1.1. Các thành viên của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đến nay bao gồm:

- Ông Phan Anh Tuấn – Chủ tịch
- Ông Nguyễn Sơn – Thành viên
- Ông Lê Chí Phúc – Thành viên
- Bà Lê Kim Chi – Thành viên
- Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh.

Hội đồng quản trị thực hiện công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty.

1.2. Thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT và quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành

HĐQT đã triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc thông qua các Quyết định của HĐQT, thông qua việc tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp điều hành của Công ty trong các cuộc họp chuyên đề về xây dựng và giao kế hoạch kinh doanh và các cuộc họp liên quan khác.

HĐQT đã tiến hành một số buổi họp, ban hành các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty như thanh lý tài sản Công ty, phê duyệt chế độ thưởng cho cán bộ nhân viên, bổ nhiệm Kế toán trưởng và các phê duyệt cần thiết khác...

HĐQT đã nỗ lực trong việc chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc, bám sát nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua; giám sát việc thực hiện các Quyết định của HĐQT, tuân thủ Điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước.

Đánh giá chung về tình hình hoạt động của Công ty

Phân tích tình hình thị trường chứng khoán trong năm 2015

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 trải qua nhiều đợt biến cố. Đã có lúc, thị trường bứt phá nhờ kỳ vọng nói room cho nhà đầu tư nước ngoài và giao dịch T+2, nhưng cũng đã có lúc rơi vào đợt suy giảm mạnh bởi diễn biến xấu của giá dầu quốc tế, đồng USD, lãi suất... Thị trường khởi đầu với 545,6 điểm và kết thúc năm 2015 ở mức 579,03 điểm, tăng 6,13%.

Diễn biến trên TTCK trong năm 2015 có thể chia ra các giai đoạn chính sau.

Giai đoạn 1, 2 tháng đầu năm, thị trường tăng mạnh, VN-Index đạt đỉnh tại 602 điểm khi thị trường kỳ vọng lạc quan về tình hình kinh tế vĩ mô, kích thích tăng trưởng kinh tế như hiệp định TPP, FTA, nói room nhà đầu tư nước ngoài.

Giai đoạn 2, từ đầu tháng 3 đến giữa tháng 5, thị trường bước vào giai đoạn điều chỉnh, chỉ số VN-Index giảm về 529 điểm.

Giai đoạn 3, từ giữa tháng 5 đến giữa tháng 7, thị trường quay lại xu hướng tăng và vượt đỉnh cũ đầu năm lập đỉnh mới tại 641 điểm. Đây chính là giai đoạn tăng mạnh nhất của năm. Đây là giai đoạn chính thức ký kết FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á Âu (29/05).

Giai đoạn 4, từ giữa tháng 7 đến gần cuối tháng 8, dòng cổ phiếu ngân hàng và bảo hiểm lập đỉnh và chầm dứt xu hướng tăng giá. Trung Quốc tuyên bố chính thức phá giá đồng nhân dân tệ khiến tỷ giá trong nước điều chỉnh mạnh, buộc phải nới tỷ giá tăng 2 lần và mở rộng biên độ. Thị trường quay đầu giảm điểm về 511 điểm.

Giai đoạn 5, từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 11, thị trường tăng điểm thêm gần 100 điểm trước thông tin về Nghị định 60 không giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và việc Việt Nam kết thúc đàm phán hiệp định TPP đã ảnh hưởng tích cực đến thị trường. Thêm vào đó, SCIC quyết định thoái vốn tại 10 “ông lớn” khiến thị trường tích cực hơn.

Giai đoạn 6, 2 tháng cuối năm, diễn biến không mấy tích cực khi VN-Index bước vào xu hướng điều chỉnh giảm với thanh khoản sụt giảm. FED lần đầu tiên trong 1 thập kỷ qua đã nhất trí tăng lãi suất thêm 0,25%, giá dầu thô thế giới tiếp tục trượt dốc và chưa có dấu hiệu dừng lại.

Tổng kết năm 2015, thị trường chứng khoán Việt Nam đạt được những kết quả sau:

- Theo thống kê của UBCKNN cho thấy, trong năm 2015, mức vốn hóa thị trường hơn 1.325 nghìn tỷ đồng, tương đương 34% GDP; Quy mô giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 4.964 tỷ đồng, trong đó, giao dịch cổ phiếu và chứng chỉ quỹ bình quân đạt 2.495 tỷ đồng/phiên, giao dịch trái phiếu đạt 2.470 tỷ đồng/phiên.
- Trên 2 sàn có 682 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ với tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá là 528 nghìn tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2014 và 571 mã trái phiếu với tổng giá trị niêm yết là 709 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với cuối năm 2014.
- Về hoạt động đầu giá và huy động vốn, tổng giá trị huy động vốn 11 tháng đạt hơn 204 nghìn tỷ đồng, giảm 9% so với cùng kỳ năm 2014, trong đó phát hành cổ phiếu và cổ phần hóa là 24 nghìn tỷ đồng (tăng 46,6% so với 2014).
- Khối ngoại tiếp tục thể hiện ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường chứng khoán trong nước khi mua ròng gần 3.000 tỷ đồng, mặc dù con số này là thấp so với 3 năm trở lại đây.

Các sự kiện quan trọng đối với Thị trường chứng khoán trong năm 2015

- *Thông tư 36 có hiệu lực*: Thông tư 36/2014/TT-NHNN có hiệu lực từ đầu tháng 2/2015 được xem là có tác động tiêu cực lên hoạt động cho vay đầu tư cổ phiếu của các CTCK cũng như sụt giảm thanh khoản của thị trường. Tuy nhiên, xét về mặt lâu dài, thông tư này sẽ làm lành mạnh hóa hoạt động của ngân hàng, làm cho dòng vốn vào chứng khoán trong trung dài hạn có chất lượng. Ngoài ra, Thông tư 36 còn giúp các công ty chứng khoán có cơ hội tái cấu trúc.
- *Chính thức nới room cho nhà đầu tư nước ngoài từ tháng 9*: Đây là một phần nội dung quan trọng trong Nghị định 60/2015/NĐ-CP với việc nới room (tỷ lệ sở hữu) cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán lại có phản ứng không mấy tích cực với thông tin trên. Thậm chí, khối ngoại trong tháng 9 đã có phiên bán ròng mạnh nhất kể từ đầu năm.
- *SCIC quyết định thoái vốn khỏi 10 ông lớn*: Cuối ngày 14/10, thị trường đón nhận thông tin Phó thủ tướng Vũ Văn Ninh vừa ký văn bản 1787/TTg-ĐMDN cho phép SCIC “chọn thời gian thích hợp, báo cáo Thủ tướng xem xét, quyết định việc thoái hết vốn tại 10 doanh nghiệp nhằm đạt được lợi ích cao nhất”. Trong đó, có những doanh nghiệp đã được chọn là VNM, FPT, BMP, NTP... Ngay lập tức giúp các cổ phiếu VNM, FPT, NTP... có được mức tăng điểm tích cực trong một thời gian dài.



- *Rút ngắn chu kỳ thanh toán về T+2 từ 1/1/2016*: UBCKNN đã chỉ đạo TTLKCK xây dựng Phương án giai đoạn 1 triển khai rút ngắn chu kỳ thanh toán. Theo đó, chu kỳ thanh toán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư sẽ rút ngắn từ 9h ngày T+3 về 16h30 ngày T+2. Thời gian triển khai áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.
- *Được vay chứng khoán và bán T+0*: UBCKNN đã dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 74/2011/TT-BTC ngày 1/6/2011 hướng dẫn về giao dịch chứng khoán, điểm đáng chú ý là liên quan đến hình thức giao dịch mới: giao dịch trong ngày.
- *Tất cả công ty đại chúng không niêm yết phải lên UpCom*: Thông tư 180/2015/TT-BTC đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành vào ngày 13/11/2015 thay thế Thông tư 01/2015/TT-BTC hướng dẫn đăng ký giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết. Theo đó, tất cả các công ty đại chúng hình thành trước ngày 01/01/2016 (ngày Thông tư 180 có hiệu lực) mà không niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ phải thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom trong vòng một năm. Bên cạnh đó, UBCK cũng cho biết thêm đối với các công ty đại chúng hình thành sau ngày 01/01/2016, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có công văn xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng hoặc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán chứng khoán ra công chúng, công ty đại chúng phải thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom.
- *Mở rộng đối tượng phải công bố thông tin trên TTCK*: Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 155/2015/TT-BTC thay thế Thông tư số 52/2012/TT-BTC và có hiệu lực từ 1/1/2016. Theo thông tư 155, đối tượng phải công bố thông tin đã được mở rộng hơn rất nhiều, bao gồm:
 - + Nhà đầu tư là người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ;
 - + Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; thành viên sáng lập của quỹ đại chúng;
 - + Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của công ty đại chúng, sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.
- *Được tự do đầu tư vào chứng khoán phái sinh*: Ngày 5/5/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2015/NĐ-CP quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Theo đó, chứng khoán phái sinh giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh bao gồm: Hợp đồng tương lai; quyền chọn niêm yết; hợp đồng kỳ hạn dựa trên tài sản cơ sở là chứng khoán giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán; chứng khoán phái sinh niêm yết khác, chứng khoán phái sinh giao dịch thỏa thuận khác dựa trên tài sản cơ sở là chứng khoán giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán.

Phân tích khách hàng, đối thủ cạnh tranh

Các công ty chứng khoán hiện tại đang cạnh tranh hết sức khốc liệt để giành thị phần và khách hàng trong điều kiện thị trường quá bé. Đến cuối năm 2015, toàn thị trường có 81 công ty chứng khoán đang hoạt động, giảm khoảng 23%; Có 30 quỹ đầu tư chứng khoán, trong đó có 2 quỹ ETF, 17 quỹ mở và 10 quỹ thành viên, 01 quỹ đầu tư bất động sản REITs.

Theo báo cáo cập nhật đến cuối năm 2015, trong số các công ty đã công bố kết quả kinh doanh có 47 doanh nghiệp báo lãi và 13 doanh nghiệp bị lỗ. Khảo sát kết quả tại TOP 20 công ty chứng khoán cho thấy tổng doanh thu của các công ty này trong năm đạt 7.600 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 7.900 tỷ đồng của năm trước và lợi nhuận xấp xỉ 2.900 tỷ đồng, giảm hơn 500 tỷ đồng. Điểm đáng chú ý là riêng tổng lợi nhuận của 10 công ty lãi nhiều nhất đạt hơn 2.700 tỷ đồng.



Thực tế hoạt động của NVS trong năm 2015

Nghiệp vụ Môi giới: Năm 2015, doanh thu từ hoạt động môi giới là 3.833.829.784 đồng tương ứng với 11,88% tổng doanh thu năm.

Nghiệp vụ Tư vấn: Theo số liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố thì trong năm 2015, có 47 công ty niêm yết mới và thực hiện 253 đợt niêm yết bổ sung cho các doanh nghiệp trên 2 Sở giao dịch chứng khoán; nhưng lại có 33 công ty hủy niêm yết. Tuy vậy, nhờ chủ động vượt khó nên doanh thu nghiệp vụ tư vấn của NVS đạt 20.809.600.000 đồng tương ứng với 64,5% tổng doanh thu năm.

Sản phẩm dịch vụ: Bộ sản phẩm giao dịch trực tuyến được khách hàng đánh giá ổn định. Bảng giá cũng được đầu tư nâng cấp tạo thêm nhiều tính năng tiện ích cho người sử dụng.

Khách hàng: Trong năm 2015, số lượng tài khoản không được mở thêm nhiều vì mục tiêu của NVS là tập trung vào chất lượng chứ không gia tăng số lượng và thị phần.

Hệ thống công nghệ: Trong năm 2015, NVS đã nâng cấp đường truyền, phần mềm nhằm đáp ứng các yêu cầu mới của các Sở giao dịch chứng khoán. Hệ thống công nghệ của NVS hoạt động ổn định, thông suốt phục vụ tốt giao dịch của khách hàng.

Cơ cấu tổ chức, nhân sự: Trong năm 2015, nhân sự của Công ty đã được cơ cấu lại theo hướng gọn nhẹ hiệu quả. Các quy trình, chính sách cho từng bộ phận đã được thiết lập và cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình mới và các quy định mới của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của toàn Công ty.

Khác:

- Tiếp tục xây dựng, chỉnh sửa các quy trình, quy chế quản lý của Công ty cho phù hợp với hoạt động của Công ty, tăng cường giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và điều hành, nỗ lực giảm thiểu chi phí quản lý;
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng hạn.

2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

Trong bối cảnh TTCK năm 2015 có một số giai đoạn có điểm sáng còn lại vẫn còn rất khó khăn, số lượng công ty mới niêm yết quá ít trong khi số lượng công ty hủy niêm yết gần như tương đương khiến cho việc nắm bắt cơ hội tư vấn tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn, phí tư vấn niêm yết thì rất nhỏ vì chủ yếu tư vấn mang tính thụ tục. Trong khi đó, sản phẩm dịch vụ của Công ty chỉ nâng cấp để đáp ứng những thay đổi trong quy định về giao dịch chứng khoán, không nâng cấp nhiều vì máy móc đã hết khấu hao, hệ thống lạc hậu, nếu đầu tư thêm thì cực kỳ tốn kém mà không hiệu quả với thực trạng hoạt động môi giới của Công ty. Vì có những giai đoạn chỉ số chứng khoán đi xuống dẫn đến việc nhiều nhà đầu tư mất vốn, không còn lực để tiếp tục đầu tư trong năm 2016 cho nên trong năm tới, Công ty không kỳ vọng nhiều vào sự tăng trưởng môi giới, thực chất chỉ hòa vốn đã là thành công. Vì vậy, trên hết, trong năm 2016, Công ty sẽ tập trung nguồn lực chủ yếu cho hoạt động tư vấn và đầu tư.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.HC-NS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG CHỦ TỊCH
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
NAVIBANK
0. BA DINH - TP. HÀ NỘI
PHAN ANH TUẤN

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2016



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Ban Kiểm soát (BKS) chúng tôi xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của BKS trong năm 2015 với các nội dung sau:

1. Các hoạt động của BKS

Trong năm 2015, BKS đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia tổ chức và kiểm phiếu cho cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.
- Tham gia một số buổi làm việc của BGD về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện.
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do BGD và Phòng Tài chính-Kế toán chuẩn bị.
- Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán.
- Tham gia các buổi làm việc về chiến lược hoạt động của Công ty.

2. Tổng hợp các cuộc họp và các quyết định của BKS

Trong năm 2015, BKS đã tiến hành họp định kỳ hàng quý nhưng chưa đều đặn.

Từ thực tế tình hình trong năm 2015, BKS đã có một số đề xuất với HĐQT như việc cần thể hiện rõ hơn các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh của Công ty; cần thực hành tiết kiệm, thắt chặt chi tiêu, triển khai thêm các dịch vụ mới cho khách hàng ...

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Đến hết năm 2015, BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ, các quy định của Điều lệ và pháp luật.

BKS đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của Công ty và tổ chức kiểm toán.

4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

Trong năm 2015, BKS không phát hiện có vấn đề gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông

Nhìn chung, năm 2015, BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của HĐQT, BGD và các cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.HC-NS.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THANH MINH

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2016

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	4
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.....	6
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	6
Điều 5. Mục tiêu hoạt động.....	7
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động.....	7
Điều 7. Quyền của Công ty.....	7
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty.....	7
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế.....	9
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG.....	11
MỤC 1. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	11
Điều 10. Vốn Điều lệ.....	11
Điều 11. Các loại cổ phần.....	11
Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông.....	11
Điều 13. Cổ phiếu.....	12
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần.....	12
Điều 15. Mua lại cổ phần.....	12
Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn Điều lệ.....	13
MỤC 2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG.....	13
Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty.....	13
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông.....	14
Điều 19. Người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông.....	15
CHƯƠNG III. QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.....	16
Điều 20. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty.....	16
I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	16
Điều 21. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 22. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 23. Ủy quyền và cách thức ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 26. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 28. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 31. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 32. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	25
Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp.....	26

Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 36. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị	29
III. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	30
Điều 37. Tổ chức bộ máy Công ty	30
Điều 38. Cán bộ quản lý.....	30
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc.....	30
Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	31
Điều 41. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Tổng Giám đốc	32
IV. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	33
Điều 42. Nhiệm vụ căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý .	33
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi	33
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	34
CHƯƠNG IV. XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN	34
Điều 45. Các tranh chấp có thể xảy ra	34
Điều 46. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp.....	35
CHƯƠNG V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	35
Điều 47. Chế độ báo cáo và công bố thông tin	35
CHƯƠNG VI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	36
Điều 48. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Công ty	36
CHƯƠNG VII. CON ĐẤU	36
Điều 49. Con dấu	36
CHƯƠNG VIII. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN	37
Điều 50. Năm tài chính	37
Điều 51. Hệ thống kế toán	37
Điều 52. Kiểm toán	37
Điều 53. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận.....	37
Điều 54. Xử lý lỗ trong kinh doanh	38
Điều 55. Trích lập các quỹ theo quy định	38
CHƯƠNG IX. TÔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY	38
Điều 56. Tô chức lại công ty.....	38
Điều 57. Giải thể	38
Điều 58. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	39
Điều 59. Thanh lý.....	39
Điều 60. Phá sản.....	39
CHƯƠNG X. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	39
Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	39
CHƯƠNG XI. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ	40
Điều 62. Ngày hiệu lực	40

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- **Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13** được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- **Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11** được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- **Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank** tại Nghị quyết số 01/2016/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2016,

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (tên đầy đủ bằng tiếng Việt của Công ty);
 - b. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;
 - c. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - e. “Người quản lý công ty” bao gồm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc, Giám đốc chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;
 - f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
 - g. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - h. “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank
 - b. Tên tiếng Anh: Navibank Securities Joint Stock Company
 - c. Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank
 - d. Tên viết tắt: NVS hoặc Navibank Securities
2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán.
3. Trụ sở Công ty:

- a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
- b. Điện thoại: 04.3724 5999 Fax: 04.3724 5775 Email: contact@nvs.vn
- c. Địa chỉ trang web: www.nvs.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

- a. Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các Mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép;
- b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
- c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;
- d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
6. Trong một số trường hợp đặc biệt người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:

- a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.
 3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu được lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm cho người lao động; tăng lợi tức cho cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.
4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.
5. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:
 - a. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- b. Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - c. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - d. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
 - e. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;
 - f. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
 - g. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
 - h. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - i. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - j. Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - k. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định.
2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:
- a. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
 - b. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - c. Không được thực hiện các hành vi sau:
 - Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);
 - Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần/phần vốn góp của các cổ đông;
 - Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
 - Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: Quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;
 - d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:
- a. Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;

- b. Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
- c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
- d. Chi đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
- e. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;
- f. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- h. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- i. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- j. Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
 - Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:
 - a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
 - b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
 - c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;

- d. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
 - e. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
 - f. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
 - g. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - h. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - i. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;
 - j. Các hạn chế khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:
- a. Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào Ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:
 - Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
 - Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - Đồng thời làm Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - b. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;
 - c. Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;
 - d. Các quy định khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Quy định đối với Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác;
 - b. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - c. Các quy định khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Chương II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG

Mục 1
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ của Công ty là **187.000.000.000 VND** (bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ đồng).

Điều 11. Các loại cổ phần

1. Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 18.700.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.
2. Các loại cổ phần của Công ty:
 - a. Cổ phần phổ thông: 18.700.000 cổ phần;
 - b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết: 0 cổ phần;
 - c. Cổ phần ưu đãi cổ tức: 0 cổ phần;
 - d. Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 0 cổ phần.
3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Đặc điểm của các loại cổ phần:
 - a. Cổ phần phổ thông: Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết: Là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Một cổ phần ưu đãi biểu quyết có mười (10) phiếu biểu quyết. Chỉ có tổ chức được Chính phủ uỷ quyền và cổ đông sáng lập mới được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sau thời hạn này, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông;
 - c. Cổ phần ưu đãi cổ tức: Là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được trả hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - d. Cổ phần ưu đãi hoàn lại: là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Hình thức của Sổ đăng ký cổ đông: Văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử.
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với trường hợp cổ phiếu công ty chưa đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện.

Điều 13. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty.
2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi thông qua phương án phát hành.
2. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn Điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này, bao gồm cả quyền nhận cổ tức.

Điều 15. Mua lại cổ phần

1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.
2. Các trường hợp mua lại cổ phần

a. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc: Tổ chức lại Công ty; sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

b. Mua lại theo quyết định của Công ty:

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn Điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm vốn Điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cách thức tăng vốn Điều lệ của Công ty:
 - Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
 - Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
 - Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
 - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;
 - Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ.
3. Việc giảm vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

Mục 2

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty

1. Quyền của cổ đông phổ thông:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - d. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - f. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
 - h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:
 - Đề cử người vào Hội đồng quản trị;
 - Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;
 - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

- Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
 - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - i. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.
 - j. Các quyền khác do theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
2. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:
- a. Nhận cổ tức theo quy định tại Điều 65 của Điều lệ này;
 - b. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
 - c. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
3. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:
- a. Được Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này;
 - b. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Tổ chức là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có sở hữu ít nhất 35% vốn điều lệ có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện;
 - b. Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
4. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - c. Thành viên, cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;
 - d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền
 - a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Cổ đông tương ứng tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;
 - b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Cổ đông ủy quyền;
 - c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước Cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Chương III

QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 20. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Giám đốc.
4. Ban Kiểm toán nội bộ.

I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - c. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - g. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán;
 - h. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - i. Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;
 - j. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - k. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 22. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp
 - a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
 - b. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Công ty có thể đề nghị UBCK gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thâm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
 - a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17 Điều lệ này;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - b. Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông như quy định tại Điểm a Khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm toán nội bộ thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm toán nội bộ không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trưởng Ban kiểm toán nội bộ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - d. Trường hợp Ban Kiểm toán nội bộ không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Ủy quyền và cách thức ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 19 của Điều lệ này. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
2. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trong vòng bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e. Tổng mức thù lao trả cho Hội đồng quản trị;
 - f. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề xuất này nếu:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; hoặc
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 26. Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm toán nội bộ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một Thư ký để lập biên bản đại hội;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
 6. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 7. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 9. Các trường hợp chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm hoặc thay đổi địa điểm họp:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

19. Bầu thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp trong trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Các trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty.
4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Các nghị quyết về nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
6. Phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.
 - b. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một (01) ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn.
7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 28. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác với các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- e. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thâm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định mức lương và quyền lợi khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý công ty và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý công ty;
- q. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- r. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- s. Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc đệ trình (nếu có);

- t. Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;
- u. Hội đồng quản trị phải lập tức thông báo cho cổ đông trong những trường hợp sau đây:
- Công ty hoặc Ban lãnh đạo của Công ty bị nghi ngờ có liên quan đến các hoạt động phi pháp;
 - Tình trạng tài chính của Công ty liên tục suy giảm và không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật;
 - Công ty kinh doanh bị thua lỗ từ 50% trên vốn chủ sở hữu;
 - Công ty đề xuất thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị;
 - Xảy ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khách hàng.
- v. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.
5. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.
6. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:
- Quyền được cung cấp thông tin:
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Giám đốc và người quản lý công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
 - Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị;
 - Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin:
 - o Thành viên Hội đồng quản trị gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc thư điện tử cho Công ty hoặc người quản lý công ty;
 - o Người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm thực hiện theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc phân công người có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và báo cáo cho người tiếp nhận biết;

- o Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, người tiếp nhận phải hoàn thành việc cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời báo cáo với quản lý cấp trên trực tiếp về việc thực hiện công việc này.
- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:
 - Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
 - Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:
 - o Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - o Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
- b. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:
 - Thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;
 - Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp;
 - Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 31. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng và thành phần thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Hội đồng quản trị của Công ty có ba (03) đến mười một (11) thành viên. Trong đó, số lượng của thành viên Hội đồng quản trị độc lập là một (01) thành viên.
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu ba (03) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - b. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
 - c. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ: năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 32. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo cơ chế sau:
 - a. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
 - c. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác.
2. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 3. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều này.
 4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
 - c. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - d. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
 5. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông hàng năm có quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng Giám đốc phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;

- h. Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc;
 - i. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - j. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - k. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - l. Tạo Điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên Điều hành và những thành viên không Điều hành trong Hội đồng quản trị;
 - m. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
 - n. Quyền và nhiệm vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

- 1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý tối thiểu phải họp một (01) lần.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - d. Nhận được đề nghị của thành viên độc lập;
 - e. Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - f. Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
 - g. Trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
6. Kiểm toán nội bộ có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 12 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
9. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
10. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này,

thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể thông qua các nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, nội dung, trình tự, thủ tục được áp dụng tương tự như trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều 27 Điều lệ này. Một nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được tối thiểu 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị.
12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
13. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Điều lệ này;
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - f. Có đơn xin từ chức;
 - g. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên ngay sau khi Hội đồng quản trị có quyết định xác nhận thành viên đó đã không còn tư cách thành viên mà không cần có một quyết định của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.
4. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 36. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

1. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ban Kiểm toán nội bộ như sau:
 - a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - f. Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;
 - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con (nếu có).
 - m. Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:
 - a. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
 - b. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - c. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - d. Chức năng khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
3. Yêu cầu về nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ:

- a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
- b. Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- c. Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- d. Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

III. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 37. Tổ chức bộ máy Công ty

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó, bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc và một/hoặc một số Phó Tổng Giám đốc (nếu cần) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp lệ theo quy định của Điều lệ này.

Điều 38. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng đối với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán hoặc quản trị kinh doanh tối thiểu là ba (03) năm.
3. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.
4. Không bị UBCK xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng hai (02) năm gần nhất.
5. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.
6. Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. **Bổ nhiệm.** Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
3. **Nhiệm kỳ.** Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. **Ban Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm Mục tiêu theo quy định của pháp luật.**
5. **Ban Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:**
 - a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Giám đốc;
 - b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Giám đốc đối với Hội đồng quản trị.
6. **Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**
 Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, cụ thể như sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - i. Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
7. **Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.** Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
8. **Miễn nhiệm, bãi nhiệm.** Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ này.
- b. Có đơn xin từ chức.
- c. Theo quyết định biểu quyết tán thành của từ 2/3 thành viên Hội đồng quản trị trở lên.

Điều 41. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a. Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - c. Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - d. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
 - e. Yêu cầu khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật.
3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:
 - a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
 - b. Xác định rủi ro của Công ty;
 - c. Đo lường rủi ro;
 - d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

IV. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 42. Nhiệm vụ cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người được đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan đến lợi ích của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời, kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp

này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu còn lại đồng ý;

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
8. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty (nếu có) vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.
9. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty theo quy định của Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hoặc công ty con của Công ty, nếu có) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hoặc công ty con của Công ty, nếu có) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương IV

XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

Điều 45. Các tranh chấp có thể xảy ra

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;

- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay người quản lý công ty;
 - c. Khách hàng hoặc các đối tác khác liên quan với Công ty.
2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: Các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hoặc các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 46. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thương lượng và hòa giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Chi phí thương lượng, hòa giải và chi phí của Tòa án:
 - a. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải;
 - b. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương V

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin
 - a. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;
 - b. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.
2. Nội dung công bố thông tin
 - a. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:
 - Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

- b. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.
3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:
 - a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề về quản trị công ty theo quy định.
4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

Chương VI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Công ty

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Điều 17 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện được ủy quyền hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí và được công bố trên website của Công ty.

Chương VII

CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định hình thức và số lượng con dấu của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy chế nội bộ của Công ty.

Chương VIII
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 50. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn bốn (04) tháng, Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

Điều 51. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

Điều 52. Kiểm toán

5. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.
6. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chi định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những Điều Khoản và Điều kiện thảo thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
7. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các Khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
8. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
9. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 53. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức/lợi nhuận, thưởng và hình thức chi trả hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Trường hợp cổ tức/lợi nhuận, thưởng hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở cổ đông cung cấp. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
3. Ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức, lợi nhuận, thưởng: Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách cổ đông cụ thể và ngày chi trả cổ tức, thưởng theo phương án của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 54. Xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 55. Trích lập các quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - d. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IX

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 56. Tổ chức lại công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được UBCK chấp thuận.
2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 57. Giải thể

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Đại hội đồng Cổ đông quyết định giải thể Công ty trước thời hạn và được UBCK chấp thuận;
 - c. UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 58. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa án để yêu cầu giải thể theo một hoặc một số căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 59. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý bao gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 60. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Chương X

SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông công ty xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với

những Điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và Điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XI
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XI Chương 62 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhất trí thông qua ngày 30 tháng 06 năm 2016 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.
2. Điều lệ này được lập thành một (01) bản chính.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Hội đồng quản trị mới có giá trị.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2016.
6. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

T.M.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHAN ANH TUẤN